**NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ**

**LIÊN QUAN ĐẾN KINH DOANH THƯƠNG MẠI – Phần 1**

**Nguyễn Thị Thu Na**

Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) 2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/7/2016. Với Bộ luật này, Tòa án nhân dân tối cao kỳ vọng sẽ góp phần thúc đẩy và thực hiện công cuộc cải cách tư pháp, tạo điều kiện để người dân tiếp cận công lý; hình thành tố tụng mang tính bình đẳng, minh bạch, trong đó mấu chốt là đảm bảo các tranh chấp về dân sự nói chung và tranh chấp kinh doanh thương mại nói riêng được thụ lý nhanh chóng và giải quyết kịp thời, đúng pháp luật. Một số nét mới chính của BLTTDS 2015 liên quan đến tranh chấp kinh doanh thương mại bao gồm:

- BLTTDS 2015 khắc phục những điểm mà BLTTDS 2004 quy định chưa rõ về vấn đề tranh chấp kinh doanh thương mại vốn gây nên sự nhầm lẫn giữa thương mại và dân sự.

- Thực tiễn cho thấy khi giải quyết phần tranh chấp kinh doanh thương mại, nhiều Thẩm phán nhầm lẫn giữa việc thương mại và vụ án thương mại; do vậy BLTTDS 2015 quy định rõ tại các Điều 30 và 31 để tránh trường hợp việc thương mại nhưng lại giải quyết theo thủ tục áp dụng đối với vụ án thương mại.

- Nhằm cụ thể hóa quyền tại khoản 2 Điều 4 của BLTTDS, Điều 30 và 31 đã đưa quy định về việc khởi kiện vụ việc thương mại trong trường hợp không có luật định, tức là luật pháp của Việt Nam chưa quy định.

**1.1. Xác định tranh chấp kinh doanh thương mại**

Tranh chấp kinh doanh thương mại là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại của những cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh. Khác với quy định tại khoản 1 Điều 29 BLTTDS 2004 chưa rõ ràng, tại khoản 1 Điều 30 của BLTTDS 2015 đã quy định rõ hơn nhằm tránh việc nhầm lẫn giữa vụ việc thương mại với vụ việc dân sự. Thực tiễn trước đây, nhiều trường hợp một số vụ việc thuộc về thương mại thì được giải quyết thành vụ việc dân sự và ngược lại, một số vụ việc về dân sự thì lại áp dụng luật thương mại để giải quyết. Các đặc điểm của tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bao gồm:

(i) chủ thể của tranh chấp phải là một tổ chức kinh tế hoặc hộ kinh doanh, cá nhân hoặc hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh. Các tranh chấp không có đặc điểm này là tranh chấp dân sự. Đối với cá nhân không có đăng ký kinh doanh, theo Điều 66 của Nghị định 78/2015/NĐ-CP, sẽ không được coi là hoạt động thương mại, do vậy tranh chấp giữa họ không phải là tranh chấp kinh doanh thương mại;

(ii) các bên trong hoạt động thương mại có tranh chấp phải có mục đích lợi nhuận. Tranh chấp nào chỉ có một bên có mục đích lợi nhuận còn bên con lại không vì mục đích lợi nhuận sẽ không phải là tranh chấp thương mại. Việc quy định như vậy sẽ tương thích, phù hợp với Luật Thương mại năm 2005 của Việt Nam.

BLTTDS 2015 bổ sung thêm quy định tranh chấp kinh doanh thương mại là tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty đối với giao dịch chuyển

nhượng của công ty. Trong thực tiễn đã xảy ra nhiều tranh chấp về việc chuyển nhượng vốn của công ty mà một bên chưa phải là thành viên công ty.

BLTTDS 2015 bổ sung quy định các tranh chấp về kinh doanh thương mại khác đều là tranh chấp kinh doanh thương mại, trừ trường hợp pháp luật có quy định tranh chấp đó do các cơ quan khác giải quyết. Quy định này nhằm cụ thể hóa khoản 2 Điều 4 của BLTTDS là Tòa án không có quyền từ chối thụ lý những việc mà pháp luật không có quy định. Cụ thể hơn, bất cứ tranh chấp gì mà không thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan khác thì tòa án phải thụ lý để giải quyết, ngay cả khi luật không có quy định điều chỉnh.

**1.2. Xác định việc kinh doanh thương mại**

Việc thương mại là những trường hợp các bên không có tranh chấp mà chỉ yêu cầu Tòa án công nhận một sự kiện pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ.

Điều 31 của BLTTDS 2015 có một số điểm khác như sau:

- Quy định rõ quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội cổ đông, nghị quyết của Hội đồng thành viên là việc kinh doanh thương mại. Trước đây BLTTDS 2004 không quy định rõ vấn đề này nên một số tòa án giải quyết theo cách thức của vụ án, một số tòa giải quyết theo cách thức của việc dân sự. Đây là vấn đề công nhận hay không công nhận một sự kiện pháp lý, xác định tính hợp pháp của nghị quyết của Hội đồng thành viên hay Nghị quyết của Đại hội cổ đông phù hợp với quy định tại Điều 63 của Luật Doanh nghiệp 2014 về yêu cầu hủy quyết định của hội đồng thành viên và Điều 87 Luật Doanh nghiệp về hủy quyết định của Đại hội cổ đông của Công ty cổ phần. Trong thực tế, HĐTP TANDTC đã xét xử giám đốc một việc kinh doanh thương mại mà tòa án hai cấp trước đây giải quyết sai và xem đó là vụ án kinh doanh thương mại.

- BLTTDS 2015 bổ sung thêm tại chương XXXII và chương XXXIV quy định việc bắt giữ tàu bay và tàu biển là việc kinh doanh thương mại. Quy định nàyđã được đưa ra tại Pháp lệnh bắt giữ tàu biển 2008 và Pháp lệnh bắt giữ tàu bay 2010. Việc bổ sung quy định này tại BLTTDS 2015 nhằm tương thích với các pháp lệnh nói trên.

- BLTTDS 2015 bổ sung thêm quy định các yêu cầu khác về kinh doanh thương mại cũng thuộc thẩm quyền của Tòa án. Yêu cầu khác này là đối với những trường hợp mà pháp luật chưa qui định thì tất cả những việc thương mại mà pháp luật không quy định sẽ được áp dụng quy định này.

**1.3. Xác định tranh chấp kinh doanh thương mại và thẩm quyền giải quyết trong trường hợp luật không quy định**

Các điều 43, 44 và 45 BLTTDS 2015 quy định về trường hợp giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại mà không có luật định.Nếu không có luật định thì phải xác định nó là vụ việc thương mại thì mới thụ lý để giải quyết theo thủ tục kinh doanh thương mại được; nếu không phải là vụ việc thương mại thì sẽ không thụ lý. Để được xác định là quan hệ thương mại, thứ nhất, quan hệ đó phải mang tính chất bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm. Thứ hai, chủ thể của nó phải là cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh. Khi không có luật định, Tòa án cũng phải xác định thẩm quyền theo lãnh thổ, ví dụ TAND cấp tỉnh thụ lý thì phải dựa trên cơ sở Điều 35 BLTTDS trong đó quy định rằng TAND cấp huyện chỉ được thụ lý giải quyết tranh chấp hoạt động thương mại, còn các loại tranh chấp khác liên quan đến thương mại như tranh chấp trong nội bộ công ty hoặc tranh chấp trong trường hợp không có luật định hay tranh chấp sở hữu trí tuệ… phải thuộc thẩm quyền của TAND cấp tỉnh.

Việc xác định thẩm quyền theo lãnh thổ còn phải căn cứ vào Điều 39 và 40

của BLTTDS, đó là xác định theo nơi cư trú của bị đơn. Tòa án nơi cư trú của bị

đơn hoặc trong trường hợp có chi nhánh thì thẩm quyền thuộc về Tòa án nơi có trụsở chính của công ty. Trong trường hợp pháp luật không quy định, BLTTDS 2015 quy định rằng việc giải quyết sẽ trên cơ sở thỏa thuận của các bên. Nếu các bên không có thỏa thuận gì thì giải quyết theo tập quán; không có tập quán thì giải

quyết theo quy tắc tương tự pháp luật; và nếu không có quy tắc tương tự thì giải

quyết trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của BLDS, án lệ và lẽ công bằng. Tức là

việc giải quyết phải theo thứ tự ưu tiên áp dụng.

**1.4. Vấn đề kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng**

Khi thay đổi chủ sở hữu của tổ chức và triển khai quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu mới thì chủ sở hữu cũ hết quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự. Đối với công ty TNHH một thành viên, doanh nghiệp tư nhân hay công ty hợp danh, khi có sự thay đổi chủ sở hữu và đã có việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ tố tụng cho chủ sở hữu mới thì chủ sở hữu mới sẽ kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng này. Đây là quy định xác định quyền và nghĩa vụ tố tụng trong hoạt động tố tụng.

Việc tổ chức chuyển giao quyền và nghĩa vụ tố tụng phải được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự. Thực tiễn vừa qua đã phát sinh vướng mắc trong trường hợp các tổ chức tín dụng bán nợ của mình cho tổ chức đi mua nợ như VMC. Khi tổ chức tín dụng đó bán nợ cho VMC mà trước đó phát sinh tranh chấp đối với việc thu hồi nợ của các tổ chức tín dụng này thì khi họ chuyển giao quyền đó cho một tổ chức khác thì các tổ chức tiếp theo sẽ thừa kế quyền và nghĩa vụ này.

Một ví dụ khác: Trong BLDS 2005, tổ hợp tác vẫn được coi là có tư cách pháp nhân và có thể trở thành một chủ thể trong TTDS. Tuy nhiên BLDS 2015 không còn xác định tổ hợp tác là một chủ thể trong quan hệ dân sự nữa. Chính vì

vậy, đối với những tổ chức không có tư cách pháp nhân, nếu người đại diện của họ không xác định được và họ không cử được người đại diện hoặc tổ chức đó đã chấm dứt hoạt động, giải thể thì trách nhiệm rõ ràng thuộc về tất cả các thành viên. Tất cả các thành viên đều phải tham gia tố tụng với tư cách là kế thừa quyền và nghĩa vụ của tổ chức đó. Quy định như vậy để áp dụng đối với những tổ chức không có tư cách pháp nhân khi họ tham gia tố tụng.